

Bản án số: 137/2019/ HNGĐ-ST

Ngày 01-11-2019

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Bằng

-Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trước.
2. Ông Trần Văn Hưng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 376/ 2019/ TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019, về việc “ Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Anh T, sinh năm: 1991
Địa chỉ: Khu phố T, xã T, huyện Ô, tỉnh L.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Minh Đ, sinh năm: 1991(vắng mặt).
Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện H, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 12/8/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Huỳnh Thị Anh T trình bày: Vào năm 2015 qua quen biết chị và anh Phạm Minh Đ tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ô, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/7/2018. Sau khi cưới chị chung sống với gia đình của chị đề thuận tiện cho việc đi làm, anh Đ sống bên gia đình của anh Đ, cuối tuần chị mới về nhà của chồng, có lúc cũng không gặp được anh Đ, anh Đ nói đi công tác nhưng chị biết anh Đ trốn tránh chị, vì anh Đ có quen người phụ nữ khác bên ngoài, chị có đưa hình của người đó hỏi anh Đ thì anh Đ không trả lời. Sau đó anh Đ có đến nhà của cha mẹ chị để

nói chuyện, nhưng anh chỉ nói cho qua chuyện chứ không có bản hướng giải quyết về vấn đề mâu thuẫn của vợ chồng chị, sau đó anh Đ bỏ đi và không liên lạc được cho đến nay. Từ tháng 2/2019 anh chị không có liên lạc với nhau, mạnh ai người đó sống không ai quan tâm đến ai. Tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

-Bị đơn anh Phạm Minh Đ vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng không có bản khai ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng không có nộp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Phạm Minh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Đ.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đ tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ô, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47, ngày 06 tháng 7 năm 2018. Do đó hôn nhân của chị T và anh Đ là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo chị T trình bày: Từ khi kết hôn chị và anh Đ không sống gần nhau, mỗi người ở một nơi, sống được vài tháng thì anh Đ không quan tâm và chăm sóc cho chị, nhiều lần anh Đ nói dối chị để đi chơi với người phụ nữ khác, từ đó mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng, lần sau cùng là tháng 2/2019 chị biết anh Đ đã quen với người khác, chị có nói với anh Đ thì anh Đ bỏ nhà đi, chị không còn liên lạc được với anh Đ. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn.

Xét thấy hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện. Mục đích hôn nhân là đem lại hạnh phúc cho nhau, cùng nhau chung sống, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ, lo cho hạnh phúc gia đình. Nhưng cuộc sống của chị T và anh Đ không mang lại hạnh phúc cho nhau, sự quan tâm chăm sóc và giúp đỡ cho nhau là không có, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án có tạo điều kiện để chị T và anh Đ hòa giải đoàn tụ, nhưng qua các buổi hòa giải và xét xử anh Đ không đến tham dự, xem như anh Đ không có ý định để hàn gắn tình cảm với chị T. Tại phiên Tòa chị T vẫn bảo lưu yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Từ những nhận định trên cho thấy việc chị T yêu cầu ly hôn với anh Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Không có, các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Buộc chị T phải nộp toàn bộ tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị Anh T được ly hôn với anh Phạm Minh Đức.

2. Về con chung: Không có, các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Buộc chị Huỳnh Thị Anh T nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0005111 ngày 12 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ.

6. Quyền kháng cáo: Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- CC THADS huyện Long Hồ;
- UBND xã T-Trà Ôn-VL
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Bằng